

KẾ HOẠCH
Về việc kiểm tra cuối học kỳ 1 năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Công văn số 2050/SGDĐT-GDTrH ngày 15/8/2024 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025;

Căn cứ kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 của nhà trường;

Căn cứ Công văn số 3235/SGDĐT-GDTrH Ngày 13/12/2024 về việc hướng dẫn tổ chức kiểm tra cuối học kỳ năm học 2024-2025 của Sở GDĐT Quảng Nam;

Thực hiện Kế hoạch nhiệm vụ năm học của trường THPT Trần Quý Cáp, nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra Cuối học kỳ 1 năm học 2024-2025 như sau:

1. Mục đích, yêu cầu:

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá Cuối học kỳ theo đúng hướng dẫn trong Chương II của Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan; phù hợp với năng lực của học sinh, vì sự tiến bộ của học sinh và căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình được qui định theo từng môn học/nội dung/hoạt động; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập và rèn luyện của học sinh.

- Bố trí thời gian kiểm tra phù hợp, đảm bảo không gây quá tải đối với học sinh.

2. Thời gian kiểm tra

Kiểm tra vào tuần thứ 16-17 từ ngày 30/12/2024 đến 11/01/2025. (có lịch kiểm tra đính kèm)

3. Đối tượng kiểm tra: Học sinh toàn trường.

Môn kiểm tra

a. Khối 10: 11 lớp kiểm tra chung 04 môn gồm (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử); 06 lớp từ 10/1,2,3,4,5,6 kiểm tra chung 02 môn(Vật lí, Hóa học); 07 lớp từ 10/7,8,9,10,11 kiểm tra chung 02 môn(Địa lí, KTPL). Riêng

môn Tin học, Công nghệ Khối 10 và môn Sinh lớp 10/6 kiểm tra theo lớp.

b. Khối 11: 12 lớp kiểm tra chung 04 môn gồm (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử); 06 lớp từ 11/1,2,3,4,5,6, kiểm tra chung 02 môn(Vật lí, Hóa học); 06 lớp từ 11/8,9,10,11,12 kiểm tra chung 02 môn(Địa lí, KTPL). Riêng môn Tin học, Công nghệ Khối 11 và môn Sinh lớp 11/7 kiểm tra riêng theo lớp.

c. Khối 12: 12 lớp kiểm tra chung 04 môn gồm (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử); 07 lớp từ 11/1,2,3,4,5,6,7 kiểm tra chung 02 môn(Vật lí, Hóa học); 05 lớp từ 11/8,9,10,11,12 kiểm tra chung 02 môn(Địa lí, KTPL). Riêng môn Tin học, Công nghệ Khối 12 + Sinh lớp 12/7 kiểm tra theo lớp.

d. Các môn: GDTC; GDQPAN; HGDĐP; HĐTN-HN: Giáo viên bộ môn kiểm tra theo Kế hoạch giáo dục tổ CM. Đề kiểm tra kết hợp hài hòa giữa câu hỏi trắc nghiệm và tự luận. Kiểm tra từ 30/12/2024 đến ngày 04/01/2025.

3. Hình thức kiểm tra

5.1. Đối với môn Tiếng Anh và Ngữ văn

- Môn Tiếng Anh thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn tại Công văn số 2247/SGDDT-GDTrH ngày 06/9/2024 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn dạy học ngoại ngữ năm học 2024-2025. (Kiểm tra, đánh giá Cuối học kỳ 1 bao gồm các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, đọc, viết, nói) và kiến thức ngôn ngữ.

- Môn Ngữ văn thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn tại phụ lục 1 Công văn số 3235/SGDDT-GDTrH ngày 13/12/2024 của Sở GDĐT.

5.2. Đối với các môn còn lại

5.2.1 Nội dung bài kiểm tra

Nội dung phù hợp với nội dung, thời lượng dạy học chương trình theo kế hoạch dạy học đến tuần thứ 16 và bám sát theo đề cương, ma trận đặc tả đề đã công bố; đảm bảo theo yêu cầu cần đạt của chương trình đối với từng môn học/nội dung/hoạt động.

Đối với các môn đánh giá bằng nhận xét kết hợp với điểm số được thực hiện cụ thể như sau:

+ Khối lớp 12: Kiểm tra 70-80% trắc nghiệm (trừ môn Ngữ Văn), tăng cường các dạng câu hỏi theo định hướng đề thi tốt nghiệp THPT 2025 của Quyết định số 764/QĐ - BGDDT ngày 08/3/2024 để học sinh làm quen.

+ Các khối 10;11: Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận(trừ môn Ngữ Văn). Tỷ lệ điểm của phần câu hỏi trắc nghiệm khách quan: 70%-80%.

+ Riêng môn GDQP-AN: Kiểm tra lý thuyết (theo hình thức trắc nghiệm khách quan). Đối với các môn GDĐP; GDTC; HĐTN,HN đánh giá bằng

nhận xét thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT và Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH.

*** Quy định đề Trắc nghiệm:** 24 mã đề/môn (mỗi mã đề có 03 chữ số Ví dụ: mã đề 101 đến 124, mã đề do Tổ trưởng hoặc GV ra đề qui định)

5.2.2 Thời gian làm bài kiểm tra

+ Môn Toán, Văn: 90 phút.

+ Môn Tiếng Anh: 70 phút (50 phút thi phần trắc nghiệm và 20 phút tự luận+nói).

+ Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp: 60 phút.

+ Các môn còn lại: 45 phút.

5.2.3 Mức độ nhận thức của đề kiểm tra

+ Xây dựng đề kiểm tra theo hướng đánh giá năng lực học sinh ở các mức độ nhận thức như sau: Nhận biết (40%), Thông hiểu (30%), Vận dụng (30%).

+ Riêng đối với môn Tin học, GDQPAN:

10, 11, 12: Nhận biết (45%), Thông hiểu (35%), Vận dụng (15%) và Vận dụng cao(5%).

6. Đề kiểm tra

6.1 Yêu cầu về đề kiểm tra

- Chính xác, khoa học, bám sát yêu cầu cần đạt theo môn học và đặc tả ma trận đề đã công bố trên website trường.

-Tăng cường câu hỏi “ mở”, câu hỏi mang tính thực tiễn, câu hỏi liên môn nhằm đánh giá khả năng vận dụng kiến thức và tính sáng tạo của học sinh.

6.2 Phân công ra đề

6.2.1 Phân công giáo viên ra đề: Tổ trưởng chuyên môn xét chọn GV để ra 01 bộ đề kiểm tra chung (theo nội dung mục đã qui định).

6.2.2 Thời gian nộp: Nộp ma trận, ma trận đặc tả, đề, đáp án chậm nhất trước lịch kiểm tra của môn là 48 giờ (02 ngày).

7. Coi kiểm tra

- Giáo viên coi kiểm tra nghiêm túc, thực hiện tương tự quy chế thi tốt nghiệp THPT năm 2024. Đặc biệt Giáo viên coi kiểm tra không mang điện thoại vào phòng thi.

- Giáo viên đi coi kiểm tra có mặt tại phòng HĐSP nhà trường theo thời gian qui định.



8. Chấm bài

- Khối 10, 11, 12: Chấm chéo đối với tất cả các môn kiểm tra chung. Hoặc chấm tập trung tại hội trường, phòng tổ bộ môn (chấm theo phòng thi) dưới sự giám sát của Ban giám hiệu.

- Hướng dẫn chấm các môn được gửi vào Gmail sau các buổi kiểm tra.

- Sau mỗi buổi kiểm tra GV gặp tổ thư ký lấy bài kiểm tra để thực hiện Kế hoạch chấm bài đúng tiến độ.

- Mỗi tổ cử 01 giáo viên giám sát và quét bài phần Trắc nghiệm.

9. Tổ chức thực hiện

- Ban giám hiệu phân công thầy Huỳnh Anh Tuấn, Phó Hiệu trưởng phụ trách chung, phân công coi kiểm tra, phân công photo, sắp đề, bảo quản ngân hàng đề (*giao cho đ/c Truyền bảo mật phòng Phô tô đề*), điều kiện kiểm tra, điều hành và báo cáo kết quả.

- Tổ trưởng CM đưa đề cương ôn tập, ma trận đặc tả đề lên Website.

- Giáo viên bộ môn: Hướng dẫn học sinh ôn tập, tự ôn tập để kiểm tra.

- GVCN: thông báo Kế hoạch kiểm tra đến học sinh lớp mình chủ nhiệm.

- Trong các ngày kiểm tra Đoàn thanh niên phối hợp GVCN lớp trực tuần đảm bảo vệ sinh các phòng kiểm tra.

Trên đây là Kế hoạch Kiểm tra cuối học kỳ 1, năm học 2024 - 2025 của trường THPT Trần Quý Cáp, đề nghị Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và các bộ phận liên quan nêu cao tinh thần trách nhiệm, triển khai thực hiện nghiêm túc, phấn đấu đạt kết quả tốt nhất. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề nảy sinh cần báo cáo về BGH (qua đ/c Huỳnh Anh Tuấn) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- BGH;
- TTCM;
- ĐTN;
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Huỳnh Anh Tuấn



Phụ lục 1:
LỊCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 314/KH-THPTTQ, ngày 19/12/2024 của Trường THPT Trần Quý Cáp)

Ngày kiểm tra	Buổi	Môn kiểm tra	Thời gian cụ thể	Thời gian làm bài	Ghi chú
Thứ 2, ngày 06/01/2025	Sáng	Ngữ Văn 12	7h30 đến 9h00	90 phút	19 phòng
		Lịch Sử 12	9h15 đến 10h00	45 phút	19 phòng
	Chiều	Ngữ Văn 10	13h30 đến 15h00	90 phút	19 phòng
		Lịch Sử 10	15h15 đến 16h00	45 phút	19 phòng
Thứ 3, ngày 07/01/2025	Sáng	Toán 12	7h30 đến 9h00	90 phút	19 phòng
		T. Anh 12	9h15 đến 10h05	50 phút	19 phòng
	Chiều	Ngữ Văn 11	13h30 đến 15h00	90 phút	19 phòng
		Lịch Sử 11	15h15 đến 16h00	45 phút	19 phòng
Thứ 4, ngày 08/01/2025	08 giờ: Tập huấn sử dụng Hồ sơ sổ sách, giáo án điện tử trên vnedu. Tại Hội trường (GV mang theo laptop).				
Thứ 5, ngày 09/01/2025	Sáng	Toán 11	7h30 đến 9h00	90 phút	19 phòng
		T. Anh 11	9h15 đến 10h05	50 phút	19 phòng
	Chiều	Toán 10	13h30 đến 15h00	90 phút	19 phòng
		Tiếng Anh 10	15h15 đến 16h05	50 phút	19 phòng
Thứ 6, ngày 10/01/2025	Sáng	Vật lí 12; KTPL12	7h30 đến 8h15	45 phút	18 phòng
		Hoá 12	8h20 đến 9h05	45 phút	12 phòng
		Công nghệ 11	9h20 đến 10h40	45 phút	19 phòng
	Chiều	Lí 10; KTPL10	13h30 đến 14h15	45 phút	19 phòng
		Hoá 10; Địa 10	14h 30 đến 15h15	45 phút	19 phòng
Thứ 7, ngày 11/01/2025	Sáng	Công nghệ 12	7h30 đến 8h15	45 phút	19 phòng
		Địa 12	8h20 đến 9h05	45 phút	12 phòng
		Công nghệ 10	9h20 đến 10h40	45 phút	19 phòng
	Chiều	Lí 11; KTPL11	13h30 đến 14h15	45 phút	19 phòng
		Hoá 11; Địa 11	14h 30 đến 15h15	45 phút	19 phòng

Lưu ý: + Đến trước giờ phát đề chậm nhất là 20 phút.

+ Học sinh dự kiểm tra Cuối học kỳ mặc trang phục quần xanh áo trắng.

+ Học sinh Tuyệt đối không mang điện thoại đến trường trong Tuần diễn ra Kiểm tra (nếu cần phụ huynh đón thì học sinh chia sẻ lịch thi đề PH biết hoặc liên hệ phòng trực Sử dụng điện thoại nhà trường để thông tin về PH khi cần thiết)./.



Phụ lục 2:
CẤU TRÚC, CÁC MỨC ĐỘ CÂU HỎI.

S T T	Môn	Thời gian	Số lượng câu hỏi			Phân tự luận
			Phần 1: Nhiều lựa chọn cho 04 phương án chọn 01 đáp án đúng.	Phần 2: Đúng/ Sai. Mỗi câu hỏi có 04 ý, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn đúng hoặc sai.	Phần 3: Trả lời ngắn. Thí sinh tô vào các ô tương ứng với đáp án của.	
1	Toán 12	90	12 (3 điểm)	3 (3 điểm)	4 (2điểm)	2(2 điểm)
	Toán 10,11	90	16 (4 điểm)	2 (2 điểm)	4 (2điểm)	2(2 điểm)
2	Vật Lí 12	45	15 (5 điểm)	2 (2 điểm)		3 điểm
	Vật Lí 10,11	45	15 (5 điểm)	2 (2 điểm)	0	3 điểm
3	Hóa học 12	45	18 (6 điểm)	2 (2 điểm)	0	2 điểm
	Hóa học 10,11	45	15 (5 điểm)	2 (2 điểm)	0	3 điểm
4	Sinh học 12	45	15 (5 điểm)	3 (3 điểm)	4 (2 điểm)	
	Sinh học 10,11	45	15 (5 điểm)	2 (2 điểm)	0	3 điểm
5	Địa lí 12	45	16 (4 điểm)	3 câu 3 điểm	1 (1 điểm)	2điểm
	Địa lí 10,11	45	21 (7 điểm)	2 (2 điểm)	1(1điểm)	2điểm
6	Lịch Sử 12	45	15 (5đ)	2(2đ)	0	2 điểm
	Lịch Sử 10,11	45	15 (5đ)	2(2đ)	0	3 điểm
7	GDKT-PL 12	45	21(7đ)	3(3đ)	0	
	GDKT-PL 10,11	45	15 (5 điểm)	2 (2 điểm)	0	3 điểm
8	Tin học	45	24	6 (2 câu dành cho tất cả hs; 2 câu KHMT; 2 câu THUĐ)	0	
9	Công nghệ 12	45	18 (6 điểm)	2 (2 điểm)		2 (2 điểm)
	Công nghệ 10,11	45	18 (6 điểm)	2 (2 điểm)	0	2 (2 điểm)
10	T. Anh 12	70	24 (6 điểm)	Viết 2.0 điểm + 2 điểm nói		
	T. Anh 10,11	70	24 (6 điểm)	Viết 2.0 điểm + 2 điểm nói		
11	Ngữ Văn 3 khối	90				



Phụ lục 3;

CẤU TRÚC, NỘI DUNG, HÌNH THỨC, CÁC MỨC ĐỘ NHẬN THỨC

ĐỀ KIỂM TRA MÔN NGỮ VĂN

I. YÊU CẦU CHUNG

1. Cấu trúc, nội dung đề kiểm tra:

Đề kiểm tra gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết.

- Phần Đọc hiểu: Ngữ liệu đọc hiểu là văn bản/đoạn trích có thể loại, nội dung đảm bảo yêu cầu cần đạt về đọc hiểu được quy định trong Chương trình tương đương với các văn bản/đoạn trích đã học tại thời điểm kiểm tra.

- Phần Viết: Giáo viên lựa chọn kiểu bài viết phù hợp với mục đích kiểm tra và yêu cầu cần đạt của phần Viết được quy định trong Chương trình tại thời điểm kiểm tra.

* Lưu ý: Tránh dùng lại các văn bản/đoạn trích đã học trong sách giáo khoa để làm ngữ liệu trong đề kiểm tra ở phần Đọc hiểu và phần Viết.

2. Hình thức đề kiểm tra: Tự luận hoặc trắc nghiệm kết hợp với tự luận.

3. Mức độ nhận thức:

- Tổng tỉ lệ phần trăm điểm các mức độ nhận thức trong phần Đọc hiểu và phần Viết của đề kiểm tra đảm bảo như sau: nhận biết 40%, thông hiểu 30%, vận dụng 30%.

- Tùy vào mức độ khó/dễ của nội dung ngữ liệu và các câu hỏi/yêu cầu trong đề kiểm tra, nhà trường linh hoạt cơ cấu số điểm, số lượng câu hỏi/yêu cầu trong phần Đọc hiểu và phần Viết.

+ Về số điểm: phần Đọc hiểu dao động từ 4.0 điểm đến 6.0 điểm, phần Viết dao động tương ứng từ 6.0 điểm đến 4.0 điểm.

+ Về số lượng câu hỏi/yêu cầu:

Phần Đọc hiểu: Đề kiểm tra cơ cấu số lượng câu hỏi/yêu cầu phù hợp với độ khó/dễ của đề; với số điểm, thời gian làm bài và tỉ lệ các mức độ nhận thức, thông hiểu, vận dụng.

Phần Viết: Viết bài làm văn phù hợp với yêu cầu Viết được quy định trong Chương trình tại thời điểm kiểm tra; chú ý cơ cấu tỉ lệ phần trăm điểm các mức nhận biết, thông hiểu, vận dụng của bài viết tương ứng với phần Đọc hiểu sao cho tổng phần trăm điểm các mức độ nhận thức của đề kiểm tra đảm bảo quy định.

II. YÊU CẦU CỤ THỂ

1. Đối với các lớp 10 và 11: Thực hiện như hướng dẫn ở phần I.

2. Đối với lớp 12: Thực hiện như hướng dẫn ở phần I; ưu tiên xây dựng đề kiểm tra bằng hình thức tự luận, phần viết có thể gồm 01 yêu cầu viết đoạn văn và 01 yêu cầu viết bài văn./.



Mẫu Form đề kiểm tra giữa kỳ
SỞ GD&ĐT QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT TRẦN QUÝ CÁP

(Đề chính thức)
Đề thi gồmtrang

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2024-2025

Môn:; Lớp:.....

Thời gian:.....phút
(Không kể thời gian giao đề)

Mã đề thi.....

I. Phần trắc nghiệm (... điểm)

Câu 1:

Câu

II. Phần tự luận (... điểm)

.....Hết.....

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh: Chữ ký học sinh:

Mẫu Giấy làm bài Trắc nghiệm



PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Kỳ thi:

Bài thi: Ngày thi:/...../20.....

7. Số báo danh

8. Mã đề thi

Họ tên, chữ ký
của cán bộ coi thi 1

Họ tên, chữ ký
của cán bộ coi thi 2

1. Hội đồng thi:

2. Điểm thi:

3. Phòng thi số: Lớp:

4. Họ tên thí sinh:

5. Ngày sinh:/...../..... (Nam/Nữ)

6. Chữ ký của thí sinh:

0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7
8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8
9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9

Chú ý: Thí sinh cần đọc kỹ hướng dẫn ở mặt sau Phiếu này.

PHẦN I

	A	B	C	D
1	☐	☐	☐	☐
2	☐	☐	☐	☐
3	☐	☐	☐	☐
4	☐	☐	☐	☐
5	☐	☐	☐	☐
6	☐	☐	☐	☐
7	☐	☐	☐	☐
8	☐	☐	☐	☐
9	☐	☐	☐	☐
10	☐	☐	☐	☐

	A	B	C	D
11	☐	☐	☐	☐
12	☐	☐	☐	☐
13	☐	☐	☐	☐
14	☐	☐	☐	☐
15	☐	☐	☐	☐
16	☐	☐	☐	☐
17	☐	☐	☐	☐
18	☐	☐	☐	☐
19	☐	☐	☐	☐
20	☐	☐	☐	☐

	A	B	C	D
21	☐	☐	☐	☐
22	☐	☐	☐	☐
23	☐	☐	☐	☐
24	☐	☐	☐	☐
25	☐	☐	☐	☐
26	☐	☐	☐	☐
27	☐	☐	☐	☐
28	☐	☐	☐	☐
29	☐	☐	☐	☐
30	☐	☐	☐	☐

	A	B	C	D
31	☐	☐	☐	☐
32	☐	☐	☐	☐
33	☐	☐	☐	☐
34	☐	☐	☐	☐
35	☐	☐	☐	☐
36	☐	☐	☐	☐
37	☐	☐	☐	☐
38	☐	☐	☐	☐
39	☐	☐	☐	☐
40	☐	☐	☐	☐

PHẦN II

Câu 1	Câu 2
Đúng Sai	Đúng Sai
a) ☐	☐
b) ☐	☐
c) ☐	☐
d) ☐	☐

Câu 3	Câu 4
Đúng Sai	Đúng Sai
a) ☐	☐
b) ☐	☐
c) ☐	☐
d) ☐	☐

Câu 5	Câu 6
Đúng Sai	Đúng Sai
a) ☐	☐
b) ☐	☐
c) ☐	☐
d) ☐	☐

Câu 7	Câu 8
Đúng Sai	Đúng Sai
a) ☐	☐
b) ☐	☐
c) ☐	☐
d) ☐	☐

PHẦN III

Câu 1	
☐	
5	☐
0	☐
1	☐
2	☐
3	☐
4	☐
5	☐
6	☐
7	☐
8	☐
9	☐

Câu 2	
☐	
5	☐
0	☐
1	☐
2	☐
3	☐
4	☐
5	☐
6	☐
7	☐
8	☐
9	☐

Câu 3	
☐	
5	☐
0	☐
1	☐
2	☐
3	☐
4	☐
5	☐
6	☐
7	☐
8	☐
9	☐

Câu 4	
☐	
5	☐
0	☐
1	☐
2	☐
3	☐
4	☐
5	☐
6	☐
7	☐
8	☐
9	☐

Giấy nháp: Học sinh chuẩn bị giấy Kẻ ngang hoặc A4



KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Họ và tên..... SBD.....

Mã đề: Môn:;

Lớp:.....

Bài làm